

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020 /DS-ST
Ngày 23/9/2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phương Tuyền
Ông Lê Văn Lưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 109/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng C**

Địa chỉ: Tòa nhà X, khu bán đảo L, HL, HM, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Quyết Th1, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã N (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C).

Ông Th1 ủy quyền lại cho bà Trần Thị D – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã N tham gia tố tụng (theo bản ủy quyền số 187/PGD-VBUQ ngày 30/7/2020 và số 226/PGD-VBUQ ngày 24/8/2020 của Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã N). Bà D có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần H**

Địa chỉ: Thôn G, xã N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Thới Thị Ngọc L**

Địa chỉ: Thôn G, xã N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trần Thị D trình bày: Ngày 07/10/2011, Ngân hàng C – phòng giao dịch thị xã N và ông Trần H, người thừa kế của ông H là bà Thới Thị Ngọc L có ký kết khế ước vay vốn số 6000004000065557 chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với nội dung như sau:

Số tiền vay: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) giải ngân 01 lần.

Hạn trả nợ theo hợp đồng là ngày 27/9/2016, hạn cuối cùng được gia hạn là 05/10/2016.

Mục đích vay: Xây nhà vệ sinh và giếng nước.

Lãi suất cho vay là 0,9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Trong suốt quá trình vay vốn, ông Trần H chỉ trả được cho Ngân hàng C số tiền lãi 645.600 đồng vào ngày 31/10/2013. Mặc dù đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông H, bà L vẫn không trả nợ. Do đó Ngân hàng C đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 06/10/2016. Số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2020 là 16.252.160 đồng (*mười sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm sáu mươi đồng*), trong đó nợ gốc 8.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.734.400 đồng, lãi quá hạn 4.517.760 đồng.

Nay Ngân hàng C yêu cầu ông Trần H và bà Thới Thị Ngọc L phải trả ngay cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 16.252.160 đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2020 cho đến khi trả hết nợ theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thới Thị Ngọc L trình bày: Năm 2011, ông Trần H có ký kết với Ngân hàng C khế ước vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để vay số tiền 8.000.000 đồng. Quá trình từ khi vay vốn đến nay, vợ chồng bà chưa trả được nợ gốc và có thanh toán được 645.600 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ số tiền 16.252.160 đồng và tiền lãi phát sinh, bà đồng ý cùng ông H trả nợ nhưng do làm ăn thất bại không có tiền nên bà xin trả dần số nợ gốc vào tháng 9 năm 2021 và trả toàn bộ lãi vào tháng 10 năm 2021.

Đối với bị đơn ông Trần H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông H nhưng ông H từ chối nhận văn bản tố tụng, không đến Tòa án làm việc và

cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai và ý kiến của ông Trần H đối với các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Bản sao sổ vay vốn; bản sao sổ lưu từ rời theo dõi cho vay; quyết định của thủ tướng chính phủ số 131/202/QĐ-TTg ngày 04/10/2002; quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019; quyết định của chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng C số 56/QĐ-HĐQT ngày 14/01/2003 và quyết định về việc bổ nhiệm lại ông Dương Quyết Th số 1888/QĐ-TTg ngày 01/10/2016; quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 918/QĐ-NHCSKH ngày 07/9/2018; bảng theo dõi giao dịch tiền vay; bảng tính lãi; biên bản lấy lời khai bà Thới Thị Ngọc L; biên bản xác minh nơi cư trú ngày 03/8/2020.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thới Thị Ngọc L liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội 16.252.160 đồng (*mười sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm sáu mươi đồng*), trong đó nợ gốc 8.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.734.400 đồng, lãi quá hạn 4.517.760 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần H và bà Thới Thị Ngọc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng C khởi kiện ông Trần H, địa chỉ: thôn G, xã N1, thị xã N yêu cầu thanh toán nợ theo khế ước (hợp đồng) vay vốn đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng vay vốn chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số 6000004000065557 được ký kết giữa Ngân hàng C và ông Trần H dựa trên sự tự nguyện của các bên, chủ thể ký kết hợp đồng có đủ năng lực pháp luật dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực.

Căn cứ vào các thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn, Ngân hàng C đã giải ngân số tiền 8.000.000 đồng. Ông Trần H, bà Thới Thị Ngọc L đã sử dụng vốn vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi là vi phạm thỏa thuận đã ký kết.

Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được thì từ thời điểm vay vốn đến nay, ông Trần H chưa trả nợ gốc, dư nợ gốc tính đến ngày 23/9/2020 là 8.000.000 đồng. Về tiền lãi: Mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

Nợ lãi trong hạn từ ngày 07/10/2011 đến ngày 05/10/2016 (1.825 ngày) là:

$8.000.000 \text{ đ} \times 0.9\%/30 \times 1.825 \text{ ngày} - 645.600 \text{ đ} = 3.734.400 \text{ đồng}.$

Nợ quá hạn từ ngày 06/10/2016 đến ngày 23/9/2020 (1.448 ngày) là:

$8.000.000 \text{ đ} \times 1.17\%/30 \times 1.448 \text{ ngày} = 4.517.760 \text{ đồng}.$

Tổng nợ lãi tính đến ngày 23/9/2020 là: 8.252.160 đồng.

Do đó, Ngân hàng Ch khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền gốc, lãi tính đến thời điểm xét xử (ngày 23/9/2020) là 16.252.160 đồng (*mười sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm sáu mươi đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2020 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở.

Về nghĩa vụ trả nợ của ông Trần H và bà Thới Thị Ngọc L: Nguyên đơn yêu cầu ông H, bà L phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Xét thấy bà L và ông Trần H là vợ chồng. Khoản vay theo khế ước 6000004000065557 là khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự do một bên thực hiện và có nghĩa vụ chung về tài sản theo quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, bà L có trách nhiệm liên đới cùng ông Trần H trả nợ khoản vay này cho Ngân hàng C.

Về thời gian trả nợ: Bà L đề nghị được trả nợ dần tiền gốc đến tháng 9 năm 2021, trả toàn bộ lãi vào tháng 10 năm 2021, tuy nhiên phía Ngân hàng không đồng ý phương án trên và yêu cầu trả một lần toàn bộ số nợ. Xét thấy, từ khi ký kết hợp đồng vay vốn đến nay, ông H, bà L chỉ trả được cho Ngân hàng

645.600 đồng tiền lãi, ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong thời gian dài nên việc gia hạn thêm thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của Ngân hàng, vì vậy cần buộc ông H, bà L trả một lần toàn bộ số nợ cho Ngân hàng C sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Trần H và bà Thới Thị Ngọc L phải trả cho Ngân hàng C một lần toàn bộ số tiền 16.252.160 đồng (*mười sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm sáu mươi đồng*), trong đó nợ gốc 8.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.734.400 đồng, lãi quá hạn 4.517.760 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần H và bà Thới Thị Ngọc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng số 6000004000065557 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Trần H và bà Thới Thị Ngọc L phải chịu 812.608 đồng

(tám trăm mười hai nghìn sáu trăm lẻ tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Quỳnh Trang